

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BL
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/HS-ST
Ngày 20-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BL, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ma Văn Hán và Bà Triệu Thị Múi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2024/TLST-HS ngày 01/7/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HS ngày 23/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/HSST-QĐ ngày 06/8/2024 đối với bị cáo:

Nông Thị T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 19/01/1985 tại huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: khu 3, thị trấn PM, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn N (đã chết) và con bà Phan Thị O, sinh năm 1955; con: 02, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày từ ngày 23/4/2024; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thuý H, sinh ngày 09/4/1980; Nơi cư trú: Khu x, thị trấn PM, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

+ Bà Phạm Thị Thu T, sinh ngày 13/9/1993; Nơi cư trú: Khu x, thị trấn PM, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Hoàng Thị Thu T, sinh ngày 01/8/1993; Nơi cư trú: xóm ĐL, thị trấn ĐK, huyện TA, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng tiếp nhận nguồn tin về tội phạm của bà Nguyễn Thúy H trình báo về việc: Ngày 04/10/2021 bà vay tiền với bà Nông Thị T số tiền 30.000.000 đồng, khi vay bà H có viết giấy vay tiền với T, nhưng không thể hiện lãi suất. Khi bà H nhận tiền từ T, bà chỉ nhận được 25.500.000 đồng, bà hỏi T lý do tại sao chỉ chuyển cho bà số tiền bằng này, T trả lời bà là trừ luôn tiền lãi của tháng đầu tiên là 4.500.000 đồng. Sau đó mỗi tháng bà H đều trả cho bà T số tiền như bà T đã yêu cầu. Số tiền lãi bà H đã trả từ ngày 04/10/2021 đến ngày 11/4/2023 là 83.250.000 đồng và đã bà H trả được 8.500.000 đồng tiền gốc, bà H còn nợ số tiền gốc là 21.500.000 đồng và hạn đến ngày 20/8/2023 bà H sẽ trả hết cho bà T. Bà T tính lãi suất số tiền 21.500.000 đồng từ ngày 11/4/2023 đến ngày 20/8/2023 và số tiền gốc chưa trả tổng là 34.580.000 đồng. Nhưng đến thời gian hạn bà H vẫn không trả được cho bà T số tiền trên do lãi suất quá cao và bà T thường xuyên gọi điện đe dọa nhấn tin cho bà và con gái bà ảnh hưởng tinh thần đến bà và con gái bà nên bà đã viết đơn tố cáo.

Căn cứ vào đơn tố giác của bà Nguyễn Thúy H và các tài liệu, chứng cứ thu thập được, ngày 28/3/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng đã khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nông Thị T, sau khi đọc lệnh khám xét, bà T tự giác giao nộp 07 giấy vay tiền của những người vay tiền với T. Quá trình khám xét Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ đồ vật, tài liệu gì thêm.

Tại cơ quan điều tra xác định được như sau: Nông Thị T có nơi cư trú Khu x, thị trấn PM, huyện BL, tỉnh Cao Bằng, sinh sống chủ yếu bằng nghề kinh doanh quán Cafe và bán các sản phẩm nông sản của địa phương. Khi có người quen biết có nhu cầu vay tiền, T cho vay với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, có người T không tính lãi suất. Từ năm 2021 đến năm 2024, T đã cho 04 người vay tiền, cụ thể:

Ngày 04/10/2021, bà Nguyễn Thúy H có đến quán King Cafe của T hỏi vay số tiền 30.000.000 đồng, T đồng ý và yêu cầu bà H viết giấy vay tiền. Sau khi bà H viết giấy vay tiền, T chuyển khoản cho bà H số tiền 25.500.000 đồng, bà H hỏi tại sao lại chỉ chuyển số tiền bằng đây thì T trả lời “Em trừ luôn tiền lãi của tháng đầu tiên”, nghe T nói vậy, bà H hiểu là mỗi tháng bà H sẽ phải trả số tiền lãi cho T là 4.500.000 đồng. Đến các tháng tiếp theo, cứ mỗi tháng bà H đều trả tiền lãi cho T số tiền 4.500.000 đồng, có lần bà H trả tiền lãi bằng tiền mặt, có lần bà H trả tiền lãi bằng hình thức chuyển khoản. Tính đến ngày 11/4/2023 bà H đã trả cho T số tiền lãi là 83.250.000 đồng và số tiền gốc là 8.500.000 đồng. Bà H hẹn T đến ngày 20/8/2023 thì bà H sẽ trả cả gốc và lãi. T tính từ ngày 11/4/2023 đến ngày 20/8/2023 cả tiền gốc và tiền lãi là 34.580.000 đồng và yêu cầu bà H viết giấy hẹn trả tiền. Nhưng đến ngày hạn bà H vẫn không trả được khoản số tiền như đã hẹn.

Ngày 04/11/2022, bà Chu Thị D đến quán King Cafe của T hỏi vay T số tiền 5.000.000 đồng, sau đó T yêu cầu bà D viết giấy vay tiền, bà D viết giấy vay tiền, T đưa cho bà D số tiền 5.000.000 đồng. Khoảng 01 tháng sau (không nhớ ngày cụ thể) bà D trả tiền cho T, khi trả tiền bà D có hỏi T “Chị lấy tiền lãi

em bao nhiêu", T trả lời "Em vay ít ngày chị không lấy tiền lãi của em", rồi bà D trả cho T số tiền 5.000.000 đồng.

Trong tháng 01 năm 2024, bà Phạm Thị Thu T hỏi T vay tiền 03 lần, lần thứ nhất vào ngày 09/01/2024, T đến quán King Cafe gặp T hỏi vay số tiền 5.000.000 đồng, T đồng ý và yêu cầu bà T viết giấy vay tiền, sau khi bà T viết giấy vay tiền xong thì đưa cho T, T đưa số tiền 4.250.000 đồng cho bà T "Chị trừ 750.000 đồng tiền lãi của tháng đầu tiên", bà T nhận tiền từ T rồi đi về nhà; Lần thứ hai vào ngày 14/01/2024 bà T tiếp tục đến quán King Cafe của T hỏi vay T số tiền 5.000.000 đồng, T đồng ý và yêu cầu bà T viết giấy vay tiền, sau khi bà T viết giấy vay tiền xong đã đưa cho T, T đưa cho bà T số tiền 4.250.000 đồng và nói với bà T "Chị trừ 750.000 tiền lãi của tháng đầu tiên", bà T nhận tiền, không nói gì rồi đi về nhà; Lần thứ ba vào ngày 19/01/2024 bà T tiếp tục đến quán King Cafe của T để vay số tiền 10.000.000 đồng, T đồng ý và trao đổi với T, viết 01 giấy vay tiền với số tiền 20.000.000 đồng do gộp cả hai lần vay trước vào để tính lãi cho dễ, bà T đồng ý viết theo đề nghị của T rồi đưa cho T nhưng bà T không lấy lại giấy vay tiền của hai lần trước. Sau đó T đưa số tiền 5.500.000 đồng và chuyển khoản cho T số tiền 3.000.000 đồng. Tổng số tiền T đưa cho T là 8.500.000 đồng và nói với T "Chị trừ luôn 1.500.000 đồng tiền lãi suất của tháng đầu tiên". Đến ngày 22/02/2024, bà T chuyển khoản trả lãi cho bà T số tiền là 2.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 1.000.000 đồng. Đến ngày 22/3/2024 bà T chuyển khoản trả lãi cho bà T số tiền 4.000.000 đồng, trong đó có 1.000.000 đồng tiền lãi của tháng 2/2024 và 3.000.000 đồng tiền lãi của tháng 3/2024. Đến ngày 31/3/2024, bà T trả cho T số tiền gốc 20.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi T đã nhận với bà T là 9.000.000 đồng.

Ngày 01/02/2024, bà Hoàng Thị Thu T đến quán King Cafe của bị cáo T hỏi vay số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo T đồng ý và yêu cầu bà T viết giấy vay tiền, sau khi bà T viết giấy vay tiền xong đã đưa cho bị cáo T, bị cáo T chuyển khoản cho bà T số tiền 12.750.000 đồng vì bị cáo T đã trừ luôn tiền lãi của tháng đầu tiên là 2.250.000 đồng, bà T nhận số tiền vay không nói gì rồi đi về. Đến ngày 07/3/2024 bà T đã trả cho bị cáo T số tiền đã vay là 15.000.000 đồng, trong đó số tiền chuyển khoản 3.000.000 đồng và 12.000.000 đồng bằng tiền mặt. Tổng số tiền lãi bị cáo T đã nhận từ bà T là 2.250.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo đã tự giác giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO. Điện thoại đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

Với các chứng cứ nêu trên, Bản Cáo trạng số 30/CT-VKSBL ngày 30/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng đã Kết luận, "Từ tháng 10/2021 đến tháng 02/2024 T đã cho Nguyễn Thuý H vay 30.000.000 đồng, với mức lãi suất cao gấp 9,1 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính 74.123.000 đồng. T cho Phạm Thị Thu T vay 20.000.000 đồng với mức lãi suất trung bình cao gấp 9,7 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính 8.189.000 đồng. T cho Hoàng Thị Thu T vay 15.000.000 đồng với mức lãi suất trung bình cao gấp 7,6 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật

Dân sự, thu lợi bất chính 1.954.000 đồng. Tổng cộng số tiền thu lợi bất chính của Nông Thị T là 84.269.000 đồng” và Quyết định truy tố bị cáo Nông Thị T về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1, Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL trình bày ý kiến bổ sung phần kết luận của bản Cáo trạng, cụ thể: Về với mức lãi suất, bị cáo T đã cho Phạm Thị Thu T cho Hoàng Thị Thu T vay mức lãi suất cao gấp 9,1 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự thay vì 9,7 lần đối với Phạm Thị Thu T và 7,6 lần đối với Hoàng Thị Thu T; Về số tiền thu lợi bất chính, giảm từ 84.269.000 đồng xuống là 84.143.000 đồng.

Bị cáo Nông Thị T đã trình bày lại toàn bộ hành vi phạm tội của mình, Bị cáo thừa nhận đã cho bà Nguyễn Thuý H, Phạm Thị Thu T, Hoàng Thị Thu T vay tiền với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày; một tháng được tính là 30 ngày; số tiền bị cáo cho bà H vay là 30.000.000 đồng, số tiền lãi đã nhận là 83.250.000 đồng, số tiền gốc đã được trả là 8.500.000 đồng; cho bà T vay tổng số tiền 20.000.000 đồng, số tiền lãi đã nhận là 9.000.000 đồng và bà T chưa trả số tiền gốc 20.000.000 đồng; Bị cáo cho bà Hoàng Thị Thu T vay số tiền 15.000.000 đồng, đã nhận số tiền lãi là 2.250.000 đồng, số tiền gốc là 3.000.000 đồng, bà Hoàng Thị Thu T chưa trả gốc số tiền là 12.000.000 đồng. Tại cơ quan điều tra, bị cáo khai bà T và bà Hoàng Thị Thu T đã trả hết số tiền gốc là chưa chính xác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thuý H trình bày, bà có vay của bị cáo T số tiền gốc 30.000.000 đồng ngày 04/10/2021, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, được tính là 30 ngày; bà đã trả lãi tổng số tiền là 83.250.000 đồng, số tiền gốc bà đã trả là 8.500.000 đồng. Bà yêu cầu bị cáo T phải trả lại số tiền thu lợi bất chính; Bà Phạm Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt, xác nhận đã vay của bị cáo số tiền gốc 20.000.000 đồng, đã trả lãi số tiền 9.000.000 đồng, chưa trả số tiền gốc, tại cơ quan điều tra khai trả hết số tiền gốc là chưa chính xác, bà yêu cầu trả lại số tiền thu lợi bất chính; Hoàng Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt, trình bày, bà có vay số tiền 15.000.000 đồng, đã trả lãi số tiền 2.250.000 đồng, số tiền gốc là 3.000.000 đồng, chưa trả gốc số tiền là 12.000.000 đồng, tại cơ quan điều tra khai trả hết số tiền gốc là chưa chính xác, bà không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền thu lợi bất chính. Bị cáo T nhất trí với đề nghị trả lại số tiền thu lợi bất chính của bà H và bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo T theo bản Cáo trạng số 30/CT-VKSBL ngày 30/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL và ý kiến bổ sung tại phiên tòa. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử, về tội danh, tuyên bố bị cáo Nông Thị T phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; Về hình phạt, đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 201; Điều 35; điểm b, i, s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng; Về hình phạt bổ sung, không đề nghị áp dụng; Về vật chứng, đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật

Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu, phát mại nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại; Truy thu đối với bị cáo T số tiền gốc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả cho bị cáo T là 11.500.000 đồng; số tiền lãi được phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 10.357.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo T bị truy thu là 21.857.000 đồng; Buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thuý H nộp lại số tiền 21.500.000 đồng; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị Thu T số tiền 12.000.000 đồng; Phạm Thị Thu T số tiền 20.000.000 đồng. Buộc bị cáo T phải trả lại cho bà Nguyễn Thuý H với số tiền 74.126.000 đồng, trả lại cho bà Phạm Thị Thu T với số tiền 8.014.000 đồng; Hoàng Thị Thu T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền thu lợi bất chính nên không đề nghị xem xét; Về án phí, đề nghị xem xét buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát. Lời sau cùng, bị cáo trình bày bị cáo lần đầu phạm tội, bị cáo chưa hiểu rõ các quy định của pháp luật, do tin tưởng nên bị cáo mới cho vay, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BL trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BL là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1, Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ. Tại phiên tòa, bị cáo giao nộp Biên lai thu tiền phù hợp với quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 63 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến bổ sung về mức lãi suất cho vay, số tiền thu lợi bất chính, xét thấy, ý kiến bổ sung của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa không làm xấu đi tình trạng của bị cáo; căn cứ Điều 306 của Bộ luật Tố tụng, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng, đồ vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó, có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ tháng 10/2021 đến tháng 02/2024, bị cáo Nông Thị T không có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực cho vay, cấp tín dụng nhưng đã cho bà Nguyễn Thuý H, bà Phạm Thị Thu T, bà Hoàng Thị Thu T vay tổng số tiền 65.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000

đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,1 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tổng số tiền thu lợi bất chính là 84.143.000 đồng. Hành vi cho người khác vay tiền với mức lãi suất gấp 9,1 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự và thu tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 84.143.000 đồng của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1, Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng truy tố đối với bị cáo Nông Thị T về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 1, Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Đồng phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Vụ án không có đồng phạm chỉ do một mình bị cáo thực hiện. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, biết được hành vi cho vay tiền với mức lãi suất cao là vi phạm pháp luật nhưng do hám lời bất chính mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng, xâm phạm đến lợi ích tài chính của công dân. Hành vi phạm tội của bị cáo tuy có tính chất ít nghiêm trọng nhưng đã gây mất an ninh trật tự tại địa phương và bất bình trong nhân dân, cần thiết phải xử phạt thật nghiêm đối với bị cáo, tuy nhiên, cần xem xét thêm về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo được bố mẹ nuôi dưỡng ăn học lớp 12/12 phổ thông, bị cáo lập gia đình, sinh sống, kinh doanh tại địa phương. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận tại cơ quan điều tra bị cáo chưa thành khai báo, tại phiên tòa, ban đầu bị cáo chưa thành khẩn khai báo, nhưng Hội đồng xét xử vẫn xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa bị cáo giao nộp Biên lai thu tiền số tiền 25.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính, cần thiết xử phạt đối với bị cáo hình phạt chính là phạt tiền. Số tiền thu lợi bất chính của bị cáo ở mức cao, do đó, cần xử phạt bị cáo mức cao của khung hình phạt. Nhưng xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên được giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, chấp hành tốt hình phạt, trở thành người tốt cho xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 3, Điều 201 của Bộ luật Hình sự, bị

cáo còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Do bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo điểm e, khoản 2, Điều 32 của Bộ luật Hình sự.

[10] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- 01 chiếc điện thoại bị cáo đã sử dụng để thực hiện giao dịch cho vay tiền nhận tiền, thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, phát mai, nộp ngân sách Nhà nước theo điểm a, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Xác nhận vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng số 42 ngày 01/7/2024.

- Về số tiền gốc đã trả, tại cơ quan điều tra, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Thu T, Hoàng Thị Thu T khai đã trả cho nhau hết số nợ gốc, nhưng tại phiên toà và đơn xin xét xử vắng mặt, bị cáo, bà T, bà T lại xác định số nợ gốc chưa trả hết. Xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với ý kiến trình bày trong đơn xin xét xử vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên chấp nhận. Bị cáo đã cho người liên quan vay với tổng số tiền là 65.000.000 đồng, trong đó: Bà Nguyễn Thuý H đã trả 8.500.000 đồng, chưa trả số nợ gốc là 21.500.000 đồng; Bà Phạm Thị Thu T chưa trả số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng; Bà Hoàng Thị Thu T đã trả số nợ gốc 3.000.000 đồng, chưa trả số tiền nợ gốc 12.000.000 đồng. Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 5, Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, số tiền gốc là phương tiện tội cần buộc bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp Ngân sách Nhà nước, cụ thể, bị cáo T phải nộp lại số tiền 11.500.000 đồng; Bà Nguyễn Thuý H phải nộp lại số tiền 21.500.000 đồng; Bà Phạm Thị Thu T phải nộp lại số tiền 20.000.000 đồng; Bà Hoàng Thị Thu T phải nộp lại số tiền 12.000.000 đồng.

- Đối với khoản tiền tương ứng lãi suất 20%/năm mà bị cáo T đã nhận từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thuý H, Phạm Thị Thu T, Hoàng Thị Thu T là 10.357.000 đồng, đây là số tiền lãi phát sinh từ hành vi phạm tội, cần buộc bị cáo T phải nộp lại, nộp ngân sách Nhà nước theo điểm b, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm b, khoản 1, Điều 5, Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Đối với số tiền lãi những người vay đã trả cho bị cáo vượt quá quy định của pháp luật là khoản tiền lãi bất hợp pháp. Bà Hoàng Thị Thu T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thuý H, bà Phạm Thị Thu T buộc bị cáo T trả lại số tiền lãi đã trả vượt quá quy định của pháp luật, bị cáo T nhất trí trả lại số tiền này cho bà H và bà T, sự nhất trí trả lại số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật của bị cáo đối với người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, cần chấp nhận. Bị cáo T phải trả cho bà Nguyễn Thuý H số tiền 74.126.000 đồng, trả cho bà Phạm Thị Thu T số tiền 8.014.000 đồng.

[12] Các vấn đề khác: Hành vi của bị cáo Nông Thị T cho bà Chu Thị D vay tiền không tính lãi, cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét hành vi này của bị cáo T là có cơ sở, Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[14] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Lời nói sau cùng của bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Thị T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1, Điều 201; điểm s, b, i, khoản 1, Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nông Thị T 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, b, khoản 1, khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Tịch thu, phát mại, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màn hình cảm ứng, màu xanh đen; số kiểu máy: Vivo 1906; số IMEI 1: 868613041737017; IMEI 2: 868613041737009 (đã qua sử dụng), (Tại thời điểm giao nhận không kiểm tra được số IMEI).

Xác nhận, vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng và được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 42 ngày 01/7/2024.

- Buộc bị cáo Nông Thị T nộp lại số tiền 21.857.000 đồng (Hai mươi một triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nông Thị T trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thuý H (sinh ngày 09/4/1980, nơi cư trú: Khu x, thị trấn PM, huyện BL, tỉnh Cao Bằng) số tiền 74.126.000 đồng (Bảy mươi tư triệu một trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Nông Thị T trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Thu T (sinh ngày 13/9/1993, nơi cư trú: Khu x, thị trấn PM, huyện BL, tỉnh Cao Bằng) số tiền 8.014.000 đồng (Tám triệu không trăm mười bốn nghìn đồng).

Xác nhận bị cáo T đã nộp số tiền 25.000.0000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng theo biên lai thu tiền số 0004080 ngày 20 tháng 8 năm 2024 tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Buộc bà Nguyễn Thuý H nộp lại số tiền 21.500.000 đồng (Hai mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

- Buộc bà Phạm Thị Thu T nộp lại số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

- Buộc bà Hoàng Thị Thu T nộp lại số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nông Thị T phải chịu số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện BL;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan THAHS huyện BL;
- Thi hành án dân sự huyện BL;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Kim

